

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến;
2. Ông Lê Hoàng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ánh Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Ánh Đ kết hôn với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9 năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bà Đ bỏ đi đâu, làm gì ông B không biết, ông B có hỏi thăm bên gia đình bà Đ thì mẹ vợ nói nó đi

làm vài tháng rồi về nhưng đến nay bà Đ không về. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không thể duy trì và cũng không đạt được hạnh phúc nên ông Phạm Văn B yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ánh Đ.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Phạm Hồng L, sinh năm 2002 (nữ) và Phạm Diễm C, sinh năm 2004 (nữ) hiện đang sống chung với ông B, khi ly hôn ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc Hồng L và Diễm C, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 17 tháng 6 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Ánh Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và ông Phạm Văn B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông, nay tôi đồng ý ly hôn với ông B.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Phạm Hồng L, sinh năm 2002 và Phạm Diễm C, sinh năm 2004. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Phạm Văn B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Ánh Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Đ là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Ánh Đ kết hôn với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38 ngày 20 tháng 5 năm 2008. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông B và bà Đ được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông B xin ly hôn là do bà Đ bỏ nhà đi đâu từ năm 2017 đến nay, gia đình đã nhiều lần liên lạc nhưng không được. Bà Đ đã được Tòa án triệu tập

hòa giải hợp lệ, nhưng bà Đ vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy bà Đ không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà với ông B. Mặt khác, tại bản tự khai của bà Đ ngày 17/6/2019 thì bà cũng thể hiện ý kiến là đồng ý ly hôn với ông B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông B và bà Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B. Ông B được ly hôn với bà Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Phạm Hồng L, sinh năm 2002 (nữ) và Phạm Diễm C, sinh năm 2004 (nữ), từ khi bà Đ bỏ nhà đi cho đến nay thì các cháu vẫn do ông B nuôi dưỡng và chăm sóc, cho nên khi ly hôn ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc Hồng L và Diễm C. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã nhận được văn bản ghi ý kiến của Hồng L và Diễm C thì các cháu có nguyện vọng sống chung với cha nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao các cháu Phạm Hồng L, sinh năm 2002 (nữ) và Phạm Diễm C, sinh năm 2004 (nữ) cho ông B tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Bà Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông B phải chịu nộp 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn B. Ông Phạm Văn B được ly hôn với bà Nguyễn Ánh D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho ông B tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu Phạm Hồng L, sinh năm 2002 (nữ) và Phạm Diễm C, sinh năm 2004 (nữ).

Bà D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng ông B phải chịu nộp án phí, ông B có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0016491 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Tam Giang Đông;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo